

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-ST
Ngày 30/5/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

Bà Lê Thị Thu Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 353/2023/TLST-DS ngày 14/11/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-DS ngày 15/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-DS ngày 07/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng B.

Địa chỉ: Tháp B, số 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phan Đức Tú – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Cảnh – Chuyên viên phụ trách xử lý nợ Ngân hàng B - Chi nhánh Ninh Thuận là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 355/QĐ-BIDV ngày 08/8/2023).

Địa chỉ: Số 138 đường X, phường P, TP. P, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Hoàng Thái Việt, sinh năm 1978.

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố 1, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 1, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Vũ Thị D có quan hệ tín dụng tại Ngân hàng B - Chi nhánh Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/15662572/HĐTD ngày 18/6/2021, cụ thể như sau: Số tiền vay: 600.000.000 đồng; Thời hạn vay: 11 tháng; Ngày vay: 22/06/2021; Ngày đến hạn: 23/05/2022; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay ban đầu: 11,5 %/năm; Lịch sử trả nợ: Số tiền gốc đã trả: 0 đồng, Số tiền lãi đã trả: 16.775.342 đồng.

Tính đến hết ngày 30/5/2024, dư nợ của bà Vũ Thị D theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/15662572/HĐTD ngày 18/6/2021 là **834.620.932** đồng đồng (Bằng chữ: Tám trăm ba mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng), trong đó:

+ Dư nợ gốc:	600.000.000 đồng
+ Dư nợ lãi:	169.323.288 đồng
+ Lãi phạt cho gốc:	64.208.118 đồng
+ Lãi chậm trả lãi:	1.089.526 đồng

Đến nay, toàn bộ nợ vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên đã quá hạn. Do vậy bà Vũ Thị D đã vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng về việc trả nợ vay.

Nay, Ngân hàng khởi kiện bà Vũ Thị D ra tòa án để đòi nợ vay. Ngân hàng B yêu cầu Tòa án buộc:

Bà Vũ Thị D phải trả ngay toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng B với tổng số tiền tính đến hết ngày 30/5/2024 là **834.620.932** đồng đồng (Bằng chữ: Tám trăm ba mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng), trong đó: Dư

nợ gốc: 600.000.000 đồng; Dư nợ lãi: 169.323.288 đồng; Lãi phạt cho gốc: 64.208.118 đồng; Lãi chậm trả lãi: 1.089.526 đồng;

Bà Vũ Thị D phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ chưa thanh toán tính từ ngày 31/5/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ vay.

Bà Vũ Thị D phải tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 01/201/15662572/HĐTC ngày 18/6/2021 được ký kết giữa Ngân hàng B và bà Vũ Thị D.

Trong trường hợp Bà Vũ Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên, thì tài sản bảo đảm được Ngân hàng B được quyền thu giữ, phát mãi theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mãi để thu hồi nợ vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Vũ Thị D trình bày: Bà thừa nhận có vay của Ngân hàng B số tiền 600.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 18/6/2021 với các thỏa thuận như nguyên đơn đã trình bày. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay, bà có thể chấp tài sản quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 57, diện tích 326 m², tọa lạc tại phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng, do hoàn cảnh kinh doanh gặp khó khăn nên bà không trả nợ đúng hạn theo cam kết. Bà nhớ rằng có trả lãi được khoảng một đến hai tháng và cũng không có tài liệu nào chứng minh về việc trả lãi này. Bà cam kết sẽ thanh toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng chậm nhất vào ngày 30/3/2024. Trong trường hợp bà không thanh toán theo cam kết thì bà đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ trả tiền vay.

Tại phiên tòa, bà Vũ Thị D trình bày do kinh doanh gặp khó khăn nên bà đề nghị được thanh toán nợ gốc thành 4 đợt và xin Ngân hàng giảm lãi suất để bà có khả năng trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Thái V trình bày:

Ông là người đang trực tiếp quản lý sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Lý do ông quản lý thửa đất là do ông được nhận ủy quyền toàn quyền quyết định từ ông Đặng Văn S và bà Nguyễn Thị Thu V (là chủ sử dụng của thửa đất này trước đó), ông đã chuyển nhượng thửa đất này sang cho bà Vũ Thị D vào tháng 6 năm 2021. Ông biết việc bà D đã dùng tài sản này để thế chấp cho khoản vay của mình tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam. Do bà D làm ăn kinh

doanh thua lỗ nên không có khả năng trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng như hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nay với tư cách là người đang quản lý, sử dụng trực tiếp tài sản thế chấp vì giữa ông và bà Vũ Thị D có mối quan hệ thân tình, ông đề nghị Ngân hàng giảm lãi để bà D có khả năng trả nợ.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị D phải trả số tiền nợ đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/15662572/HĐTD ngày 18/6/2021. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại Khu phố 4, phường Đ, TP. P. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của bà Vũ Thị D tại khu phố

4, phường Đ, thành phố P và xác định bà Vũ Thị D không thường xuyên sinh sống tại địa phương, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm căn cứ vào Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Vũ Thị D tại địa chỉ khu phố 4, phường Đ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Thái V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B đối với bà Vũ Thị D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hợp đồng tín dụng số 01/2021/15662572/HĐTD ngày 18/6/2021, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 18/6/2021 có công chứng ngày 21/6/2021 tại Văn phòng Công chứng An Khang và lời thừa nhận của bị đơn bà Vũ Thị D; Căn cứ vào các chứng cứ trên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 18/6/2021 bà Vũ Thị D có vay của Ngân hàng B số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động; lãi suất cho vay trong hạn 11.5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Chủ thể ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, hình thức, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng số 01/2021/15662572/HĐTD ngày 18/6/2021 được coi là hợp pháp, có hiệu lực.

[2.2] Đối với yêu cầu trả nợ gốc, lãi tiền vay:

Tính đến ngày 30/5/2024 bà Vũ Thị D đã trả được 16.775.342 đồng tiền lãi, và chưa trả được khoản tiền gốc nào. Đến hạn trả nợ bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều 6 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 30/5/2024, bà Vũ Thị D còn nợ Ngân hàng số tiền: **834.620.932** đồng (Bằng chữ: Tám trăm ba mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng), trong đó: Dư nợ gốc: 600.000.000 đồng; Dư nợ lãi: 169.323.288 đồng; Lãi phạt cho gốc: 64.208.118 đồng; Lãi chậm trả lãi: 1.089.526 đồng;

Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Vũ Thị D thừa nhận theo trình bày của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[2.3] Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà Vũ Thị D đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản:

Hợp đồng số 01/201/15662572/HĐTC ngày 18/6/2021 để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS345607- Sổ vào sổ cấp GCN: CS08145, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 29/7/2019 đối với Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 57; địa chỉ thửa đất: phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Diện tích: 326 m²; Mục đích sử dụng: Đất trồng lúa. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/6/2021 tại Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh Phan Rang – Tháp Chàm.

Kết quả xem xét thẩm định của Tòa án xác định: Thửa đất trên, do ông Nguyễn Thái Hoàng V đang trực tiếp quản lý sử dụng. Ông Việt trình bày giữa ông Việt và bà D có mối quan hệ thân thiết từ trước nên đã chuyển nhượng cho bà D để vay vốn ngân hàng và ông vẫn quản lý sử dụng thửa đất này.

Xét thấy, việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản và đăng ký giao dịch bảo đảm giữa Ngân hàng B với bị đơn bà Vũ Thị D đã tuân thủ theo đúng nội dung, hình thức theo quy định của pháp luật. Đánh giá về bản chất hợp đồng đều thể hiện ý chí tự nguyện giao kết giữa các bên. Do đó, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm theo đúng nghĩa vụ được bảo đảm là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Vũ Thị D phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng B đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Bà Vũ Thị D phải hoàn trả cho Ngân hàng B số tiền 2.000.000 đ (Hai triệu đồng).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4 và Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B

2. Buộc bà Vũ Thị D có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B số tiền tính đến ngày 30/5/2024 là: **834.620.932** đồng đồng (Bằng chữ: Tám trăm ba mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng), trong đó:

Dư nợ gốc: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);

Dư nợ lãi: 169.323.288 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng);

Lãi phạt cho gốc: 64.208.118 đồng (Sáu mươi tư triệu hai trăm lẻ tám nghìn một trăm mười tám đồng);

Lãi chậm trả lãi: 1.089.526 đồng (Một triệu không trăm tám mươi chín nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng);

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Vũ Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng B thì lãi suất mà bà Vũ Thị D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng B.

Bà Vũ Thị D phải tiếp tục duy trì *Hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất số 01/201/15662572/HĐTC* ngày 18/6/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và bà Vũ Thị D để đảm bảo cho việc thi hành án trả toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng B. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 57, diện tích 326 m² tọa lạc tại phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CS345607, số vào sổ cấp GCN: CS08145 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 29/7/2019, chỉnh lý biến động ngày 13.6.2021 chuyển nhượng cho bà Vũ Thị D.

Trường hợp bà Vũ Thị D không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài

sản thể chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ. Bà Vũ Thị D, ông Nguyễn Thái Hoàng V phải có nghĩa vụ thi hành.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Vũ Thị D phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng B đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Bà Vũ Thị D phải hoàn trả cho Ngân hàng B số tiền 2.000.000 đ (Hai triệu đồng).

5. Về án phí: Bà Vũ Thị D phải chịu 37.038.000 đồng (Ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi tám nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng B số tiền 17.495.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000574 ngày 10/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Sương Nguyễn Thị Minh Trâm

Nguyễn Thị Nga

